

**Biểu 4****DỰ TOÁN CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NĂM 2025***(Ban hành kèm theo Quyết định số 1506/QĐ-UBND ngày 08/9/2025 của UBND xã Xuân Trường)**Đơn vị: triệu đồng*

ST T	Tổng công trình	Thời gian KC - HT	Tổng dự toán được duyệt		Giá trị thực hiện đến 30/6/2025	Dự toán năm 2025		Giá trị thanh toán đến 30/6/2025	Ghi chú
			Tổng số	Trong đó: NS xã		Tổng số	Trong đó: Thanh toán KL năm trước		
	Tổng số:		300.605	276.469	240.617	84.639	34.254	198.978	
I	Các công trình, dự án hoàn thành đã quyết toán		228.704	206.568	219.483	74.738	34.254	189.677	
1	Xây dựng hệ thống thoát nước thị trấn	2018-2018	5.104	5.104	5.104	10	10	5.094	
2	Nhà 2 tầng 06 phòng học và các hạng mục phụ trợ trường mầm non trà thượng, thị trấn Xuân Trường	2018-2019	5.655	4.973	5.473	453	453	5.199	
3	Công trình nâng cấp cải tạo đường bê tông nội đồng qua đoạn tổ dân phố 16 thị trấn Xuân Trường	2019-2020	2.508	2.158	2.889	204	204	2.889	
4	Công trình cải tạo, sửa chữa khuôn viên trụ sở làm việc Đảng ủy-HĐND-UBND thị trấn Xuân Trường	2019-2020	2.731	2.731	2.704	206	206	2.497	
5	Xây dựng hệ thống thoát nước thị trấn Xuân Trường (Đoạn từ nhà văn hóa tổ 4 đến cầu ông Vĩnh)	2019-2020	871	871	871	17	17	871	
6	Di chuyển trạm biến áp Xuân Trường 15(MBA 250KVA- 22/0,4KV) và đường dây hạ thế 0.4KV	2019-2022	316	316	316	8	8	316	
7	Công trình Cải tạo, nâng cấp nhà vệ sinh và các hạng mục	2019-2020	855	855	855	496	496	707	
8	Xây dựng hệ thống thoát nước thị trấn Xuân Trường(Đoạn từ nhà văn hoá tổ 4 đến nhà tổ họ Hoàng ngành 3)	2020-2020	163	163	163	3	3	163	

ST T	Tổng công trình	Thời gian KC - HT	Tổng dự toán được duyệt		Giá trị thực hiện đến 30/6/2025	Dự toán năm 2025		Giá trị thanh toán đến 30/6/2025	Ghi chú
			Tổng số	Trong đó: NS xã		Tổng số	Trong đó: Thanh toán KL năm trước		
9	Cải tạo, nâng cấp Chợ Bùi Chu	2022	605	605	581	2	2	581	
10	Nhà 3 tầng và các HM phụ trợ trường Tiểu học xã Xuân Ngọc	2022-2024	9.990	7.990	9.543	2.117	2.117	8.471	
11	Lợp mái tôn trường Mầm non Xuân Ngọc	2022-2023	1.196	496	1.117	354	354	764	
12	Cải tạo, sửa chữa trường mầm non xã Xuân Ngọc	2023-2024	2.999	2.699	2.934	1.488	1.488	1.544	
13	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông thôn Liên Thủy, xã Xuân Ngọc	2023-2024	148	148	140	14	14	140	
14	Hệ thống tiêu thoát nước khu dân cư thôn Liên Thượng xã Xuân Ngọc	2023-2024	622	122	578	42	42	578	
15	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông thôn Bùi Chu, Trung Lễ, Hạ Linh, Trung Linh xã Xuân Ngọc	2023-2024	828	828	778	58	58	778	
16	Cải tạo nâng cấp đường giao thông thôn Phú An xã Xuân Ngọc	2023-2024	118	118	111	12	12	111	
17	Đường bê tông, rãnh thoát nước khu dân cư phố Bùi Chu, xã Xuân Ngọc	2023-2024	282	282	130	130	130	37	
18	Cải tạo, nâng cấp nghĩa trang liệt sỹ xã Xuân Ngọc	2023-2024	1.173	508	1.075	738	738	747	
19	Quy hoạch chi tiết: Trường tiểu học Xuân Ngọc	2023-2024	256	256	206	206	206		
20	Lắp đặt biển báo, lan can cầu, sơn kẻ vạch giảm tốc các trục đường giao thông,	2024	606	606	590	90	90	590	
21	Đường bê tông nội đồng HTX sản xuất kinh doanh dịch vụ nông nghiệp Xuân Ngọc xã Xuân Ngọc	2024	1.139	639	1.110	610	610	602	
22	Cải tạo, nâng cấp trường THCS xã Xuân Ngọc	2024-2025	1.142	1.142	1.111	1.111		98	
23	Cải tạo nâng cấp chợ Bùi Chu xã Xuân Ngọc	2024-2025	999	499	965	465		584	

ST T	Tổng công trình	Thời gian KC - HT	Tổng dự toán được duyệt		Giá trị thực hiện đến 30/6/2025	Dự toán năm 2025		Giá trị thanh toán đến 30/6/2025	Ghi chú
			Tổng số	Trong đó: NS xã		Tổng số	Trong đó: Thanh toán KL năm trước		
24	Nhà đa năng, nhà bảo vệ, sửa chữa dãy nhà lớp học 2 tầng, nâng cấp khuôn viên, lắp đặt hệ thống PCCC trường tiểu học xã Xuân Ngọc	2024-2025	8.488	7.488	8.282	7.282		1.106	
25	Cải tạo sửa chữa trường mầm non xã Xuân Ngọc	2025	1.142	1.142	1.109	1.109		64	
26	Nâng cấp các HM phụ trợ trường tiểu học xã Xuân Ngọc	2025	1.095	1.095	1.067	1.067		20	
27	Nhà 3 tầng và các HMPT Trường Tiểu học Xuân Ninh	2021-2022	9.986	7.986	9.828	438	438	9.828	
28	Nhà đa năng, nhà ăn và các HM phụ trợ trường MN xã Xuân Ninh (2022 - 2024)	2022-2024	4.990	4.990	4.861	1.772	1.772	4.025	
29	Các HMPT trường Tiểu học (khu A) (2023)	2023-2024	756	256	747	225	225	747	
30	Cải tạo, nâng cấp đường GTNĐ xã (Q. Trung, Đ. Phùng)	2023-2024	490	235	485	185	185	485	
31	Các HMPT trường Tiểu học (khu B)	2023-2024	1.200	1.200	1.083	101	101	1.083	
32	Cải tạo, nâng cấp đường trục xã Xuân Ninh đoạn từ hàng ông Quang đến cầu Nghĩa trang	2024-2025	10.000	8.500	9.730	5.861		7.100	
33	Cải tạo, nâng cấp đường GT liên xóm 12, xóm 13; sửa cầu xóm 4 xã Xuân Ninh	2024	1.185	685	1.086	191	191	1.086	
34	Cải tạo, nâng cấp đường bê tông nội đồng X7 và xây kè đg trục chính nội đồng khu Đồng Trung xã Xuân Ninh	2024-2025	695	433	678	416		339	
35	Cải tạo, nâng cấp Nhà hội trường, nhà trụ sở làm việc Đảng ủy - HĐND - UBND xã	2025	1.137	1.137	1.129	1.129		1.129	
36	Cải tạo, nâng cấp đường liên xóm, tuyến đường 3 trục đường phía Bắc sông Rộc xã Xuân Ninh	2025	2.431	2.431	2.416	2.416		2.000	

ST T	Tổng công trình	Thời gian KC - HT	Tổng dự toán được duyệt		Giá trị thực hiện đến 30/6/2025	Dự toán năm 2025		Giá trị thanh toán đến 30/6/2025	Ghi chú
			Tổng số	Trong đó: NS xã		Tổng số	Trong đó: Thanh toán KL năm trước		
37	Công trình nâng cấp, cải tạo nghĩa trang liệt sỹ thị trấn Xuân Trường	2022-2023	898	898	857	127	127	793	
38	Công trình nhà đa năng và các hạng mục phụ trợ trường tiểu học thị trấn Xuân Trường	2022-2023	2.973	2.973	2.926	814	814	2.519	
39	Công trình Cải tạo, nâng cấp các hạng mục phụ trợ Trạm y tế thị trấn Xuân Trường	2024-2024	197	197	197	21	21	187	
40	Công trình cải tạo nâng cấp vỉa hè đoạn từ ngân hàng đến honda Vũ hoàng Lê	2022-2023	5.120	5.120	4.744	555	555	4.743	
41	Công trình cải tạo cống, vỉa hè đoạn từ trung tâm Viễn thông VNPT đến bến xe Xuân Trường	2023-2025	4.997	4.997	4.688	842	0	4.688	
42	Công trình nâng cấp đoạn đường từ cầu Kiểm đến nhà văn hoá tổ 1 và cầu huyện đi cầu lò gạch thị trấn Xuân Trường	2023-2025	5.493	5.493	5.437	955	0	5.437	
43	Công trình Cải tạo sửa chữa nhà văn hoá thị trấn Xuân Trường	2024-2025	4.500	3.000	4.370	2.132	0	3.488	
44	Công trình cải tạo, nâng cấp đường bê tông tổ 7 thị trấn Xu	2024-2025	449	298	427	127	0	427	
45	Cải tạo, nâng cấp trụ sở UBND thị trấn	2024-2025	812	812	698	1.396	0		
46	Cải tạo, nâng cấp đường bê tông nội đồng tổ 1 thị trấn Xuân Trường	2024-2025	599	299	585	380	0	585	

ST T	Tổng công trình	Thời gian KC - HT	Tổng dự toán được duyệt		Giá trị thực hiện đến 30/6/2025	Dự toán năm 2025		Giá trị thanh toán đến 30/6/2025	Ghi chú
			Tổng số	Trong đó: NS xã		Tổng số	Trong đó: Thanh toán KL năm trước		
47	Công trình Xây dựng hệ thống biển tên đường và đèn trang trí trên tuyến đường nội thị thị trấn Xuân Trường	2025-2025	749	749	709	709	0	709	
48	Các hạng mục phụ trợ trường mầm non Xã Xuân Tiến	2021-2022	2.797	2.797	2.713	370	370	2.534	
49	Cải tạo nâng cấp phòng Hội đồng trường MN Xuân Tiến	2022	222	222	219	14	14	212	
50	Nâng cấp kè từ cầu ông Thu đến giáo họ Vinh Sơn, xóm 10 xã Xuân Tiến	2020-2021	1.183	683	1.112	254	254	1.051	
51	Cải tạo, nâng cấp Nghĩa trang Liệt sỹ xã Xuân Tiến	2022-2023	588	588	385	20	20	375	
52	Các hạng mục phụ trợ trường Tiểu học Xã Xuân Tiến	2022-2023	948	948	941	64	64	909	
53	Các hạng mục phụ trợ trường THCS Xã Xuân Tiến	2022	954	954	935	54	54	908	
54	Cải tạo sửa chữa một số hạng mục trường MN Xuân Tiến	2023	996	996	972	246	246	891	
55	Cải tạo, nâng cấp kè mai rai, đường bờ tả kè và mở rộng đường nhựa bờ hữu đoạn từ cầu hùng tiến (xóm 2) đến cầu trạm điện (xóm 1) và đoạn từ cầu ông sinh (xóm 3) đến cầu trường mầm non (xóm 5) xã Xuân Tiến	2023-2024	6.995	6.995	6.490	1.498	1.498	5.909	
56	Cải tạo nâng cấp Trạm y tế xã Xuân Tiến	2023-2025	1.096	1.096	1.030	119		992	

ST T	Tổng công trình	Thời gian KC - HT	Tổng dự toán được duyệt		Giá trị thực hiện đến 30/6/2025	Dự toán năm 2025		Giá trị thanh toán đến 30/6/2025	Ghi chú
			Tổng số	Trong đó: NS xã		Tổng số	Trong đó: Thanh toán KL năm trước		
57	Nâng cấp đoạn đường từ nhà ông Tuấn đến cầu ông Thu xóm 10 xã Xuân Tiến	2023-2024	1.096	796	1.068	268	268	968	
58	Cải tạo nâng cấp đường giao thông xã Xuân Tiến	2023-2024	2.991	2.991	2.776	970	970	2.435	
59	Cải tạo nâng cấp đường giao thông nội đồng phục vụ SXNN xã Xuân Tiến	2023-2024	561	561	528	132	132	485	
60	Cải tạo nâng cấp đường bê tông xóm 10 xã Xuân Tiến	2023-2024	772	772	717	223	223	642	
61	Lắp gương cầu lồi, sơn vạch kẻ đường, gờ giảm tốc, lắp đặt biển báo, biển chỉ dẫn giao thông trên các tuyến đường	2023-2024	349	349	306	87	87	269	
62	Công trình nâng cấp đường từ cống gà qua cầu ông Thu đến giáo họ Vinh Sơn xã Xuân Tiến	2023-2024	1.099	1.099	987	207	207	898	
63	Cải tạo, nâng cấp đoạn đường từ xóm 2 đi xóm 3 và xóm 1 xã Xuân Tiến	2023-2024	2.921	2.921	2.727	804	804	2.425	
64	Cải tạo nâng cấp cầu ông Ngọ xã Xuân Tiến	2024	484	484	438	179	179	425	
65	Sửa chữa sạt lở taluy đường đoạn từ cầu trạm điện (Xóm 1) đến cầu Trà Thượng 7 (Xóm 3) xã Xuân Tiến	2023-2024	2.997	1.297	2.864	1.529	1.529	2.500	
66	Cải tạo, nâng cấp kè mái taluy bờ kênh đoạn từ xóm 3 đi xóm 2 và đoạn từ cầu Đình đi cầu ông Sai xã Xuân Tiến	2022-2023	5.956	5.956	5.858	524	524	5.726	

ST T	Tổng công trình	Thời gian KC - HT	Tổng dự toán được duyệt		Giá trị thực hiện đến 30/6/2025	Dự toán năm 2025		Giá trị thanh toán đến 30/6/2025	Ghi chú
			Tổng số	Trong đó: NS xã		Tổng số	Trong đó: Thanh toán KL năm trước		
67	Cải tạo, nâng cấp đường, kè đoạn từ NVH xóm 2 qua NVH xóm 1 đến trạm điện xóm 1 xã Xuân Tiến	2022-2023	4.996	4.996	4.698	1.644	1.644	4.017	
68	Cải tạo, sửa chữa các hạng mục phụ trợ trường tiểu học Xuân Tiến	2022-2023	1.196	1.196	1.116	154	154	1.039	
69	Công trình cải tạo cống, tường rào, nhà xe trụ sở UBND xã Xuân Hoà	2023-2024	989	989	958	43	43	958	
70	Cải tạo, nâng cấp đoạn đường từ xóm 1 đến xóm 8 xã Xuân Tiến	2024-2025	9.990	9.990	9.728	1.500		8.978	
71	Công trình xây dựng vạch sơn đường xã Xuân Hòa	2023	147	147	136	14	14	129	
72	Công trình cải tạo, nâng cấp tuyến đường thôn Nam Thắng xã Xuân Hòa	2023-2024	3.998	3.998	3.859	640	640	3.538	
73	Công trình mở rộng đường bê tông thôn Đoài Ngoại	2024	700	700	695	64	64	663	
74	Công trình nạo vét bùn và san lấp mặt bằng phần diện tích 15 lô đất để đầu đất giãn dân (thuộc vị trí tái định cư số 2 thôn Hiệp Hòa - xã Xuân Hòa)	2024	987	987	982	155	155	926	
75	Công trình nâng cấp đoạn đường từ cầu xóm 6 thôn Hiệp Hòa đến cầu xóm 4 thôn Đoài Ngoại xã Xuân Hòa	2023-2024	9.995	8.495	9.748	1.991	1.991	9.474	
76	Cải tạo nâng cấp đường bê tông xóm 10 thôn Tiền Phong xã Xuân Hoà	2024	837	837	732	732	732	685	

ST T	Tổng công trình	Thời gian KC - HT	Tổng dự toán được duyệt		Giá trị thực hiện đến 30/6/2025	Dự toán năm 2025		Giá trị thanh toán đến 30/6/2025	Ghi chú
			Tổng số	Trong đó: NS xã		Tổng số	Trong đó: Thanh toán KL năm trước		
77	Xây dựng bể xử lý nước thải sinh hoạt khu dân cư xóm 14 Xuân Hoà xã Xuân Phúc	2024	479	209	407	407	407	304	
78	Làm kè tuyến sông từ đường 489C đến Giáo họ Vinh Sơn xã Xuân Tiến	2025	4.996	4.996	4.808	4.022		4.593	
79	Công trình cải tạo, nâng cấp đường giao thông trục xã Xuân Hòa(đoạn từ cầu UBND xã đến cầu nhà ông Trình thôn Đoài Ngoại)	2024	9.996	9.496	9.700	5.726	5.726	9.257	
80	Cải tạo nâng cấp đường giao thông khu dân cư số 2 thôn Nam Thắng xã Xuân Phúc	2024-2025	698	698	659	77		630	
81	Cải tạo nâng cấp khu dân cư thôn Đoài ngoại	2025	1.151	1.151	1.120	1.120		0	
82	Công trình cải tạo, nâng cấp Nghĩa trang Liệt sỹ xã Xuân Hoà	2024-2025	1.112	1.112	1.050	986		1.022	
83	Cải tạo các hạng mục phụ trợ và PCCC Trường Tiểu học Xuân Kiên	2024	1.472	1.472	1.368	349	349	1.240	
84	Cải tạo, nâng cấp đường trục xã đoạn từ từ đường họ Phạm đến giáp Xuân Tiến	2024-2025	5.995	5.495	5.369	770		5.298	
85	Kiên cố kênh mương TT2-2 đoạn từ cầu xóm 5 đến xóm 6 Xuân Kiên	2024-2025	5.778	5.778	5.379	1.779		5.094	
86	Nạo vét, nâng cấp kênh xóm 1 xã Xuân Kiên	2023-2024	882	882	818	39	39	799	

ST T	Tổng công trình	Thời gian KC - HT	Tổng dự toán được duyệt		Giá trị thực hiện đến 30/6/2025	Dự toán năm 2025		Giá trị thanh toán đến 30/6/2025	Ghi chú
			Tổng số	Trong đó: NS xã		Tổng số	Trong đó: Thanh toán KL năm trước		
87	Trường Tiểu học xã Xuân Kiên và các hạng mục phụ trợ	2022-2024	6.984	5.284	6.276	111	111	6.220	
88	Các hạng mục phụ trợ Nghĩa trang liệt sỹ xã Xuân kiên	2022-2024	537	537	498	8	8	494	
89	Cải tạo, sửa chữa các hạng mục Trường THCS xã Xuân Kiên	2024	1.981	1.981	1.920	19	19	1.911	
90	Cải tạo, nâng cấp đường kè rãnh thoát nước từ cổng làng NVH xóm 19b cũ Xuân Kiên	2024-2025	3.000	3.000	2.936	2.936	2.936	1.981	
91	Chi trả tiền xây lắp công trình cải tạo nâng cấp nhà vệ sinh, xây tường bao nhà văn hoá, đầu tư hệ thống truyền thanh thông minh xã Xuân Hoà	2024-2025	967	967	925	76	76	887	
92	Xây dựng sân thể dục ngoài trời Trường THCS Xuân Tiến	2025	297	297	297	297		288	
93	Chi trả tiền xây lắp công trình cải tạo, nâng cấp đường xóm 2, thôn Nam Thắng, xã Xuân	2025	463	63	458	458		458	
94	Chi trả tiền xây lắp công trình cải tạo, nâng cấp đường bê tông thôn Đoàn Nam xã Xuân Phúc	2025	898	298	846	846		846	
95	Công trình xây dựng bờ kè đoạn từ nhà bà Hợi đến nhà bà Thu thôn Tây xã Xuân Hòa	2023	199	199	195	8	8	195	
96	Công trình xây dựng bờ kè đoạn từ nhà bà Liên đến cầu ông Lực xóm 7 thôn Hiệp Hòa	2023	139	139	135	6	6	135	

ST T	Tổng công trình	Thời gian KC - HT	Tổng dự toán được duyệt		Giá trị thực hiện đến 30/6/2025	Dự toán năm 2025		Giá trị thanh toán đến 30/6/2025	Ghi chú
			Tổng số	Trong đó: NS xã		Tổng số	Trong đó: Thanh toán KL năm trước		
97	Lợp mái tôn, sửa chữa khu nhà vệ sinh nhà hiệu bộ và các phòng chức năng 3 tầng trường THCS Xuân Kiên xã	2025	1.151	1.151	1.114	1.114		1.114	
II	Các công trình, dự án đang triển khai thực hiện		71.901	69.901	21.134	9.901	0	9.301	
1	Xây dựng mới Nhà đa năng, cải tạo sửa chữa các phòng học và các HMPT trường THCS xã Xuân Ninh	2025	6.996	6.496	3.544	1.500		1.500	
2	Công trình nâng cấp đường giao thông thị trấn Xuân Trường (Đoạn Bắc Cầu, Ngọc Tinh, Hội Khê, Trà Thượng)	2025	9.988	9.988	2.919	2.866		2.866	
3	Công trình cải tạo, nâng cấp tuyến đường từ cầu trung tâm xã đến đường khu dân cư số 1 thôn Nam Thắng, xã Xuân Phúc	2025	9.980	8.480	4.092	4.092		4.092	
4	Công trình cải tạo, sửa chữa Nhà văn hóa xã Xuân Phúc	2025	4.171	4.171	843	843		843	
5	Cải tạo nâng cấp đường xóm 5,6 Xuân Kiên, xã Xuân Phúc	2025	2.789	2.789	193	100			
6	Công trình cải tạo, nâng cấp tuyến đường trục xã từ cầu trung tâm xã đến cầu Cái Muối xã Xuân Phúc	2025	4.999	4.999		100			
7	Công trình làm kè, cầu, đường khu vực Xuân Tiến xã Xuân Phúc	2025	9.996	9.996	4.356	100			

ST T	Tổng công trình	Thời gian KC - HT	Tổng dự toán được duyệt		Giá trị thực hiện đến 30/6/2025	Dự toán năm 2025		Giá trị thanh toán đến 30/6/2025	Ghi chú
			Tổng số	Trong đó: NS xã		Tổng số	Trong đó: Thanh toán KL năm trước		
8	Công trình cải tạo, nâng cấp đường bê tông từ cầu ông Tân xóm 8 thôn Ngọc Liên đến cầu cống Ba cửa xóm 7 thôn Hiệp Hòa xã Xuân Phúc	2025	4.993	4.993	3.398	100			
9	Kiên cố kênh đoạn từ cầu đường mới đến cầu ông Tuyết xã Xuân Phúc	2025	9.990	9.990	904	100			
10	Xây dựng nhà hiệu bộ, phòng chức năng, phòng học bộ môn 03 tầng và các hạng mục phụ trợ Trường MN Xuân Kiên xã Xuân Phúc	2025	7.998	7.998	885	100			